| ODE logo | **Kế hoạch Thực hiện của Tiểu bang (SPP)**  **Tờ dữ kiện**  **Chỉ số B4A: Đình chỉ và Đuổi học** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | |  |  |  |

# **Kế hoạch Thực hiện của Tiểu bang Oregon**

Theo Đạo luật Giáo dục Người Khuyết tật năm 2004 (IDEA), Bộ Giáo dục Oregon (ODE) được yêu cầu gửi Kế hoạch Thực hiện của Tiểu bang (SPP) trong 6 năm cho Văn phòng Chương trình Giáo dục Đặc biệt (OSEP). OSEP đã triển khai các biện pháp thực hiện chính, được biết đến là các chỉ số, để đo lường cả sự tuân thủ và kết quả. OSEP đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số tuân thủ và ODE đặt ra các mục tiêu cho các chỉ số kết quả. SPP phải bao gồm các mục tiêu cho mỗi chỉ số kết quả. ODE báo cáo về tiến độ đạt được đối với các chỉ số này hàng năm trong Báo cáo thực hiện hàng năm (APR). Cứ sáu năm một lần, ODE phải rà soát các mục tiêu kết quả và thu hút các đối tác chính trong việc phát triển các mục tiêu mới. ODE hiện đang tìm kiếm thông tin đầu vào liên quan đến các chỉ số mà theo đó phải thiết lập các mục tiêu cho các chỉ số này và sẽ tổ chức một buổi nhập liệu công khai để thảo luận về dữ liệu liên quan đến chỉ số này vào tháng 12 năm 2021. Vui lòng xem [Kế hoạch thực hiện của Tiểu bang của ODE và các Báo cáo hàng năm cho trang web Giáo dục đặc biệt](https://www.oregon.gov/ode/reports-and-data/SpEdReports/Pages/State-Performance-Plan-and-Annual-Performance-Report-for-Special-Education.aspx) để biết thêm thông tin và để đăng ký buổi nhập liệu công khai. Quý vị cũng có thể cung cấp thông tin đầu vào mà không cần tham dự buổi này thông qua [cuộc khảo sát này](https://app.smartsheet.com/b/publish?EQBCT=6db8207f42ba40c98688939d8346b26a).

# **Chỉ số này đo lường những gì và tại sao nó quan trọng?**

Chỉ số B4 được chia thành hai loại. Chỉ số B4A là một chỉ số hoạt động nhằm đề cập đến Chương trình Giáo dục Công lập Thích hợp Miễn phí (FAPE) trong Môi trường Hạn chế Ít nhất bằng cách đo lường tỉ lệ phần trăm các quận có sự khác biệt đáng kể về tỷ lệ đình chỉ và đuổi học hơn 10 ngày trong một trường học năm đối với trẻ em có tham gia IEP (Chương trình Giáo dục Cá nhân hóa). Chỉ số B4B đo lường tỷ lệ đình chỉ và đuổi học theo chủng tộc/dân tộc, là một chỉ số tuân thủ và yêu cầu một mục tiêu là 0%. Chỉ số B4 là một chỉ số công bằng quan trọng để kiểm tra tỷ lệ đình chỉ/đuổi học đối với trẻ em khuyết tật so với tỷ lệ đình chỉ/đuổi học ở cấp quận đối với trẻ em không khuyết tật. Nó nói lên năng lực của Oregon trong việc giáo dục trẻ em khuyết tật mà không sử dụng kỷ luật loại trừ.

# **Nguồn dữ liệu cho Chỉ số 4 là gì?**

Chỉ số B4 (cả B4A và B4B) sử dụng dữ liệu kỷ luật của Tiểu bang, bao gồm phân tích của Tiểu bang về dữ liệu Kỷ luật của Tiểu bang được thu thập theo IDEA Mục 618. Có thể tính toán sự khác biệt bằng cách so sánh tỷ lệ đình chỉ và đuổi học đối với trẻ em có thamn gia IEP với tỷ lệ đối với trẻ em không khuyết tật trong LEA hoặc bằng cách so sánh tỷ lệ đình chỉ và đuổi học đối với trẻ em có tham gia IEP giữa các LEA trong Tiểu bang. Ở Oregon, dữ liệu này được tính toán bằng cách so sánh tỷ lệ đình chỉ và đuổi học đối với trẻ em có tham gia IEP với tỷ lệ đối với trẻ em không khuyết tật trong LEA.

# **Có cần phải thiết lập hoặc thiết lập lại căn bản cho chỉ số này không?**

Câu trả lời là Có. ODE đề xuất sử dụng mục tiêu được thiết lập gần đây nhất (62.00% trong năm 2019) làm căn bản mới cho chỉ số này cho Kế hoạch thực hiện của Tiểu bang trong Năm tài chính liên bang (FFY) 2020-2025.

**Oregon đã thực hiện như thế nào theo thời gian?**

Các tỷ lệ phần trăm này được tính toán bằng cách sử dụng tất cả các quận bất kể kích thước n.

Năm 2016. ODE đã thiết lập một căn bản mới để tính đến kích thước n.

| **FFY** | **2016** | **2014** | **2015** | **2016** | **2017** | **2018** | **2019** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu ≤ | *Căn bản* | 7.20% | 6.70% | 68.65% | 68.15% | 67.65% | 62.00% |
| Dữ liệu | 62.96% | 13.71% | 8.63% | 62.96% | 66.67% | 53.13% | 67.74% |

# **Mục tiêu mới là gì?**

ODE sẽ không đặt ra các mục tiêu mới cho đến khi chúng tôi nhận được phản hồi từ các đối tác của mình. Có một số cách để đặt ra các mục tiêu mới. Đó có thể là sự gia tăng tỷ lệ phần trăm, bắt đầu với trò chơi kết thúc hoặc kiểm tra xu hướng theo thời gian và đưa ra các dự đoán dựa trên xu hướng. Một số thông tin hữu ích về việc thiết lập các mục tiêu:

* Các mục tiêu được đặt ra nhằm mục đích hỗ trợ cải thiện các kết quả đối với trẻ em và gia đình. Chúng phải trong tầm tay nhưng vẫn cho thấy sự phát triển.
* Thay đổi cần có thời gian. Các mục tiêu có thể được tạo ra với sự hiểu biết này. Ví dụ: các mục tiêu có thể giữ nguyên trong vài năm liên tiếp và sau đó sẽ giảm nhẹ trong năm mục tiêu cuối cùng (FFY 2025). Ngoài ra, các mục tiêu có thể thể hiện sự giảm nhẹ mỗi năm.
* ***Dữ liệu kỷ luật FFY 2020 và FFY 2021 bị ảnh hưởng bởi COVID-19.***

**Ví dụ A cho các mục tiêu B4A: Năm Căn bản 2019 có mục tiêu 62%**

| **FFY** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu 4A ≤ | 62.00% | 62.00% | 61.75% | 61.50% | 61.25% | 61.00% |

Ví dụ A thể hiện sự cải thiện dần.

**Ví dụ B cho các mục tiêu B4A: Năm Căn bản 2019 có mục tiêu 62%**

| **FFY** | **2020** | **2021** | **2022** | **2023** | **2024** | **2025** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mục tiêu 4A ≤ | 62.00% | 62.00% | 61.50% | 61.25% | 61.00% | 60.50% |

Ví dụ B thể hiện sự cải thiện nhiều hơn.

**Nếu quý vị cần thêm thông tin nhằm để cung cấp dữ liệu đầu vào, vui lòng liên hệ  
Lisa Bateman, Chuyên gia Giáo dục, tại lisa.bateman@state.or.us.**